

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:54/2020/HNGĐ-ST

Ngày:18-8-2020.

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Huệ

2. Bà Võ Thị Kim Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:155/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:45/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào tháng 3 năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2020. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, trong gia đình ông T là người quản lý tiền bạc, việc chi tiêu trong gia đình ông T là người tự quyết định, không quan tâm đến ý kiến của bà; ngoài ra, khi bà về nhà riêng của gia đình bà sinh sống ông T còn cho người đến nhà đòi trả tài sản. Hiện tại ông bà đã không còn sống chung, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Bà nhận thấy đã không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà và ông T không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thừa nhận quá trình kết hôn đúng như bà H trình bày, tuy nhiên mâu thuẫn gia đình bà H trình bày không đúng; ông thừa nhận bà H có dọn đồ đạc đi nhưng do bà H tự ý đi, ông không rõ lý do, ông thừa nhận có nhờ người qua nhà vợ để đòi nợ nhưng là nợ của đứa em vợ chứ không phải đòi tài sản như vợ khai. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ. Ông và bà H không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2020, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung giữa bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn, bà H cho rằng vấn đề chi tiêu tiền bạc trong gia đình chỉ có ông T được quyền quyết định, không quan tâm đến ý kiến của bà, bà có cung cấp một tài liệu đề “giấy kết thúc” ngày 30/4/2020 thể hiện ông T chấp nhận chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà và một giấy đề “giấy chứng nhận” ngày 01/6/2020, thể hiện ông T đồng ý cho bà dọn vật dụng cá nhân về nhà riêng của bà; 02 văn bản này đều có chữ ký của ông T; ông T chỉ thừa nhận có ký giấy đề “giấy chứng nhận” ngày 01/6/2020 nhưng nội dung do bà H tự ghi; tại bản tự khai ngày 27/7/2020 của bà Bùi Thị Hồng T thể hiện bà T là người chứng kiến việc ông T viết tờ giấy chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà H; tại bản tự khai ngày 27/7/2020 của bà Đoàn Thị Y là tổ trưởng tổ phụ nữ ở ấp 4, xã T và bản tự khai ngày 27/7/2020 của ông Đinh Văn T là tổ trưởng tổ tự quản số 6, ấp 4, xã đều xác nhận có chứng kiến việc ông T cho bà H dọn đồ về nhà cũ của bà H và ông T có ký giấy chứng nhận đề ngày 01/6/2020. Tất cả các sự việc này đã thể hiện giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn; ông T, bà H thống nhất ly thân mỗi người có một cuộc sống riêng và các bên thừa nhận trong quá trình ly thân hai bên hoàn toàn không có sự quan tâm gì đến cuộc sống của nhau; ông T cho rằng còn thương vợ nhưng ông không có phương án gì để giải quyết mâu thuẫn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông chỉ thể hiện ý kiến muốn tranh chấp về tài sản với bà H, không có ý gì thể hiện còn tình cảm vợ chồng hay mong muốn đoàn tụ, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Căn cứ khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh H.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn T xác định ông bà không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 20468 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, huyện T, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Kim Hương**